

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+P2	7:25	6+16	0+0		5+16	0+0	CHUYEN 1 P9-
2		P9+P5+P11	7:25	16+0+5	0+0+0		13+2+7	0+0+0	P11CHUYEN 1 P5-P11
3		TD5	7:25	22	0		22	0	
4		P10	9:25	20	0		17	0	
5		P6+TD3	9:25	6+16	0+0		0+20	0+0	
6		P10+TD3	9:25	17+5	0+0		6+6	0+0	
7		P11+BK4+P2	11:25	10+4+4	0+0+0		8+6+8	0+0+0	
8		P9+P8	11:25	15+5	0+0		13+6	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P8-3NG, P9-4NG, P2-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P8 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU MINH HUNG	P8	94	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANG	P8						61	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN THI HANG	P8	96	1	3			59	NIPI	Vietnamese
4	VU DINH BAY	P8	92-93	2	13			76	XAYLAP	Vietnamese
5	DINH VAN THIEN	P8	90-91	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN TRUONG	P8	95	1	4			67	PSV	Vietnamese
7	TRAN DUC ANH	P2						71	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LUC	P2						67	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN DUY ANH	P2						65	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	P2	78	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO VAN DUC	P2	85	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VAN NGHI	P2	84	1	5	4	70	64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH DAI	P2	86	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HOANG HAI	P2	82	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THANH LONG	P2	79	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
16	VO ANH NGOC	P2	80-81	2	14			73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUU BAO	P2	89-90	2	11			93	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG VAN THUAN	P2	75	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG DINH QUAN	P2	83	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
20	LE HUNG CUONG	P2	91	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
21	HA VAN TRUNG	P2	81	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	88	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	6	411	7	40	0	0	5		
2	P2	16	1.151	15	107	4	70	16		
TOTAL		22	1.562	22	147	4	70	21		
WEIGHT KG			1.562		147		70			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P9 - P5 - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VASYANKIN ALEXEY	P9	60	1	14			120	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN MANH HUNG	P9	42	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO ĐỨC MINH	P9	61	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P9	41	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MANH THANG	P9	55	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC THAN	P9						72	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH THUY (15598)	P9						69	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN QUỐC VIỆT	P9	56-57	2	10			95	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ MINH LUÂN	P9						68	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN THI NGA	P9						57	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN VĂN TUÂN	P9						80	DVL	Vietnamese
12	LE TRUONG SA (XNKT)	P9	59	1	2			69	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEU	P9	53-54	2	5			68	YTE	Vietnamese
14	LE MINH THUY (5406)	P9	59	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
15	TA TIEN MANH	P9	51-52	2	6			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO AN CHUNG	P9	58	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY HA	P11	67	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO DUY KHIEM	P11	62	1	8			67	YTE	Vietnamese
19	PHAN DUY LONG	P11	64-65	2	21			60	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG VĂN TRỌNG	P11	66	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THIÊN THANH	P11	63	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	16	1.212	14	73	0	0	13	1	CHUYEN 1 PAX P9- <u>P11</u>
2	P5	0	0	0	0	0	0	2	1	CHUYEN 1 PAX P5-P11
3	P11	5	364	6	46	0	0	7		
TOTAL		21	1.576	20	119	0	0	22		
WEIGHT KG			1.576		119		0			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CƯƠNG -	ETA: 09:25
CAM-1		TOAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRUNG SƠN	TD5						79	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	85	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
3	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	27	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	25	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
5	VƯƠNG ĐỨC ANH	TD5	26	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN HUY	TD5	83	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ LONG PHI	TD5	88	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	29	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	84	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
10	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	96	1	4			93	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	89	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN QUÝ	TD5	86-87	2	10			78	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN HUNG DUNG	TD5	97	1	6			73	DVL	Vietnamese
14	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD5	91	1	12			79	DVL	Vietnamese
15	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD5	92	1	14			81	DVL	Vietnamese
16	LÊ HOÀI THIÊN	TD5	93	1	15			78	DVL	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD5	94	1	15			84	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD5	95	1	17			73	DVL	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5	24	1	5			74	PSV	Vietnamese
20	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	90	1	9			98	PSV	Vietnamese
21	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	30	1	3			82	PSV	Vietnamese
22	LƯƠNG ANH HAI	TD5	28	1	4			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	22	1.691	22	184	0	0	22		
TOTAL		22	1.691	22	184	0	0	22		
WEIGHT KG			1.691		184		0			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	K LỘC	P10	52	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
2	VU BAO AN	P10	45	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU HAU	P10	50	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH KHOA	P10	49	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHUNG DAI DUONG	P10	46-47	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BAO LAM	P10	36	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH THU	P10	37-38	2	12			71	YTE	Vietnamese
8	LE NGOC NGUYEN	P10						82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN TRUONG	P10	44	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH HAI	P10	31	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC BA	P10	29	1	3			88	KH-THAC	Vietnamese
12	VU BAO TRUNG	P10	53	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC THANH	P10	30	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN LOI	P10	48	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN GIAP	P10	43	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
16	VU DINH CUONG	P10	51	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TOAN	P10	39	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET ANH	P10	32	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN THUYET	P10	35	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM QUOC CUONG	P10	42	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TIEN	P10	76-77	2	14			66	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN LE THE ANH	P10	40-41	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	22	1.620	25	166	0	0	17		
TOTAL		22	1.620	25	166	0	0	17		
WEIGHT KG			1.620		166		0			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P6 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CƯỜNG -	ETA: 11:45
TRANG-2		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ DUY NGỌC	P6	03	1	13			62	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TRI	P6	02	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MINH ĐỨC	P6	08-09	2	17	3	49	94	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	P6	06-07	2	20	2	30	63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P6	05	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CHÍ CÔNG	P6	04	1	10			53	KH-THAC	Vietnamese
7	OLENIK IVAN	TD3	99	1	3			74	KHOAN	Russian
8	TRẦN HỮU THỌ	TD3	91	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
9	CHU VĂN THẮNG	TD3	95	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	92	1	5			96	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	87	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HAI	TD3	500	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÀO TIỀN THIẾT	TD3	85-86	2	15			52	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	83-84	2	9			84	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3	96	1	5	2	35	76	ANTOAN	Vietnamese
16	VŨ TIỀN DŨNG	TD3	94	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MẠNH THẮNG	TD3						73	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ HOÀI NAM	TD3	97-98	2	17			59	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	90	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	88	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC BẢO TỰ	TD3	93	1	5			55	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ VĂN TÂN	TD3	89	1	11			64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	6	413	8	76	5	79	0		
2	TD3	16	1.139	18	114	2	35	20		
TOTAL		22	1.552	26	190	7	114	20		
WEIGHT KG			1.552		190		114			

GRAND TOAL: 1.856 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P10 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	88	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
2	IUKHIMCHUCK A.G.	P10	78	1	11			85	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P10	87	1	12	5	84	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN AN NINH	P10	94	1	13			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HÙNG	P10	85	1	10	1	12	94	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CANH TÂN	P10	92	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	P10	89-90	2	9			78	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P10	82	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
9	LÂM HỮU TÙNG	P10	80-81	2	11			62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MINH THÔNG	P10	83-84	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN QUỐC	P10	79	1	8			71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC TRUNG	P10	33-34	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN VĂN THỊNH	P10	93	1	6			74	NIFI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÒA	P10	91	1	4			93	NIFI	Vietnamese
15	ĐAU CÔNG SAU	TD3	03	1	3			85	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD3	71	1	7			80	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD3	74	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CANH THÔNG	TD3	72-73	2	18			71	XAYLAP	Vietnamese
19	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	01	1	5			52	PSV	Vietnamese
20	ĐO XUÂN CHÍNH	TD3	02	1	8			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	14	1.040	18	131	6	96	6		
2	TD3	6	424	7	52	0	0	6		
TOTAL		20	1.464	25	183	6	96	12		
WEIGHT KG			1.464		183		96			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P11 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - DŨNG	ETA: 14:10
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VIỆT DŨNG	P11	70	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	71	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NHÂN	P11	79	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	P11	77-78	2	10			105	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	74-75	2	8			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUNG	P11	76	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ MINH TUẤN	P11	69	1	10			64	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHAN	P11	73	1	7			73	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	68	1	4			71	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BANG	P11	72	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO ĐANG ĐỨC	BK4						68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÔNG VĂN THỊNH	BK4	04	1	11	3	40	86	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	05	1	4			67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN PHU	BK4	06	1	10			78	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2						64	KH-THAC	Vietnamese
16	DUƠNG HOÀNG HIẾU	P2						83	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THANH TÙNG	P2	70	1	7			65	PSV	Vietnamese
18	LÊ QUANG NINH	P2	69	1	9			67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	10	697	12	66	0	0	6		
2	BK4	4	299	3	25	3	40	7		
3	P2	4	279	2	16	0	0	8		
TOTAL		18	1.275	17	107	3	40	21		
WEIGHT KG			1.275		107		40			

GRAND TOAL: 1.422 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2025	TO: P9 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THANH	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	35	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ SĨ BÌNH	P9	30	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DUNG	P9	32	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH THUẬN	P9	29	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ NAM TRUNG	P9	36-37	2	12			84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	34	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGHIÊM ANH THÀNH	P9	38-39	2	11			64	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN HOA	P9	33	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HAI	P9	31	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIỀN TUNG	P9	28	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG HỮU VINH QUY	P9	61	1	16	2	20	78	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ ANH TUẤN	P9	65-66	2	13			70	CODIEN	Vietnamese
13	VŨ TIỀN PHỤNG	P9	41	1	14	4	45	72	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN THĂNG	P9	40	1	13			84	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN MINH HOANG	P9	67	1	9			93	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	27	1	4			52	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	28	1	5			56	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN PHU	P8	24	1	3			56	PSV	Vietnamese
19	ĐÀO VĂN KHÔI	P8	23	1	10			56	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN KHA	P8	25	1	10	1	13	68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	15	1.087	18	128	6	65	13		
2	P8	5	288	5	32	1	13	6	/	
TOTAL		20	1.375	23	160	7	78	19		
WEIGHT KG			1.375		160		78			

GRAND TOAL: 1.613 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN